

Số: /KH-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm

KẾ HOẠCH

Triển khai Công tác Chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2025

PHẦN I KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2024

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ: Chi tiết tại Phụ lục I, II và III.

II. KINH PHÍ TRIỂN KHAI

1. Tổng kinh phí bố trí cho các nhiệm vụ, dự án năm 2024 (làm tròn): **200 tỷ đồng**. Tỷ lệ chi cho chuyển đổi số chiếm khoảng **1,41%** (200/14.153) chi ngân sách tỉnh. Trong đó: Vốn chi thường xuyên: **33 tỷ đồng**, vốn chi đầu tư công: **167 tỷ đồng**.

2. Danh mục dự án triển khai năm 2024: Chi tiết tại Phụ lục IV.

PHẦN II NỘI DUNG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NĂM 2025

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược an toàn, an ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

Căn cứ Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 23/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tuân thủ quy định pháp luật và tăng cường bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Công điện số 33/CD-TTg ngày 07/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn thông tin mạng;

Căn cứ Quyết định số 2568/QĐ-BTTTT ngày 29/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 3.0, hướng tới Chính phủ số;

Căn cứ Công văn số 3816/BTTTT-CĐSQG ngày 14/9/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/5/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 30/9/2021 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, nhiệm kỳ 2021 - 2026 và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Chỉ thị số 15-CT/TU ngày 25/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường đảm bảo an toàn, an ninh mạng trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 04/11/2022 của UBND tỉnh ban hành Đề án phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin (CNTT) tỉnh Bình Phước đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 312/KH-UBND ngày 13/10/2021 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 08/5/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Kế hoạch số 280/KH-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 136/KH-UBND ngày 25/4/2023 của UBND tỉnh về triển

khai Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2023 - 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 287/KH-UBND ngày 11/9/2023 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cung cấp dữ liệu mở trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2023 - 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 319/KH-UBND ngày 13/10/2023 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2023 - 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 15/3/2024 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ Trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 1947/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025, tỉnh Bình Phước;

Đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 144/TTr-STTTT ngày 26/12/2024.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Thực hiện chuyển đổi số tổng thể, toàn diện, tập trung khai thác, chia sẻ dữ liệu số hiệu quả giữa các cơ quan nhà nước trong tỉnh, chia sẻ dữ liệu từ cơ quan Trung ương nhằm phục vụ công tác chỉ đạo điều hành và hoạt động của người dân, doanh nghiệp nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số, tạo ra các giá trị mới cho xã hội.

- Tiếp tục triển khai chuyển đổi số trên ở các lĩnh vực ưu tiên phục vụ thúc đẩy kinh tế, xã hội của tỉnh phát triển nhanh bền vững; đổi mới căn bản hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan nhà nước các cấp trên toàn tỉnh; phát triển môi trường số an toàn, tiện ích phục vụ tốt nhu cầu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và nhu cầu đời sống người dân trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai hiệu quả các nhiệm vụ và từng bước hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/5/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao chỉ số mức độ chuyển đổi số của tỉnh, phân đấu vào nhóm 10 địa phương về chuyển đổi số trên cả nước.

2. Mục tiêu cụ thể

Stt	Nội dung	Kết quả thực hiện năm 2024	Mục tiêu đến năm 2025	Căn cứ
1	Hạ tầng số			
1.1	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại	Trên 90%	Trên 95%	Kế hoạch số 280/KH-UBND ngày 30/9/2022

	thông minh.			của UBND tỉnh (mục tiêu 80%)
1.2	Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng internet băng thông rộng cáp quang.	Trên 90%	Trên 95%	Kế hoạch số 280/KH-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh (mục tiêu 80%)
1.3	Tỷ lệ dân số được phủ sóng bởi mạng di động.	100%	100%	Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ (mục tiêu phổ cập mạng di động 4G/5G)
2	Chính quyền số			
2.1	Tỷ lệ thủ tục hành chính (TTHC) đủ điều kiện theo quy định pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình (theo Quyết định công bố của các bộ, ngành).	100%	100%	Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ (mục tiêu 80%)
2.2	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ trực tuyến.	100%	100%	Công văn số 4338/BTTTT-CĐSQG ngày 14/10/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông (đạt tối thiểu 70%)
2.3	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý hoàn toàn trực tuyến (toàn trình).	57,7%	75%	Công văn số 5547/BTTTT-CĐSQG ngày 24/12/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông (đạt tối thiểu 75%)
2.4	Tỷ lệ số hóa hồ sơ giải quyết TTHC.	74,38%	95%	Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 của UBND tỉnh (chỉ tiêu 90%)
2.5	Tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết TTHC.	78,26%	95%	Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 của UBND tỉnh (chỉ tiêu 90%)
2.6	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công.	73,75%	Trên 80%	Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 của UBND tỉnh (chỉ tiêu 70%)
2.7	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu	80,16%	85%	Nghị quyết số 76/NQ-CP

	nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia đạt.			ngày 15/7/2021 của Chính phủ (mục tiêu tối thiểu 80%)
2.8	Tỷ lệ các hoạt động kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.	50%	Trên 50%	Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ (mục tiêu 50%)
2.9	Tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đầy đủ theo danh mục (không áp dụng đối với dữ liệu phục vụ công tác quân sự, quốc phòng).	43,44%	100%	Kế hoạch số 287/KH-UBND ngày 11/9/2023 của UBND tỉnh (100% vào năm 2025)
2.10	Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).	- Cấp tỉnh đạt 100%. - Cấp huyện đạt 95%. - Cấp xã đạt 80%.	Trên 90%	Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ (mục tiêu 90%)
2.11	Tỷ lệ UBND cấp xã (đạt nông thôn mới nâng cao) có Trang thông tin điện tử.	100%	100%	Quyết định số 1127/QĐ-BTTTT ngày 22/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông
2.12	Tỷ lệ hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh đảm bảo an toàn theo cấp độ quy định.	100%	100%	Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 23/02/2024 Thủ tướng Chính phủ (mục tiêu đảm bảo 100%)
3	Kinh tế số			
3.1	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP.	10%	20%	Kế hoạch số 280/KH-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh (mục tiêu 20%)
3.2	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số.	50%	Trên 50%	Kế hoạch số 280/KH-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh (mục tiêu trên 50%)
3.3	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử.	80%	Trên 80%	Kế hoạch số 280/KH-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh (mục tiêu trên 80%)

3.4	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử.	100%	100%	Nghị định số 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ (tất cả doanh nghiệp kinh doanh theo phương pháp kê khai có sử dụng hóa đơn bắt buộc phải chuyển sang sử dụng hóa đơn điện tử từ ngày 01/7/2022)
4	Xã hội số			
4.1	Tỷ lệ người dân có điện thoại thông minh cài đặt ứng dụng “Binh phuc Today”.	75%	80%	Mục tiêu triển khai phát triển Công dân số tỉnh Bình Phước sử dụng nền tảng số giao tiếp giữa chính quyền với người dân và doanh nghiệp
4.2	Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử	60%	Trên 80%	Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ (mục tiêu trên 80%)
4.3	Tỷ lệ dân số đủ điều kiện có tài khoản định danh điện tử mức 2.	100%	100%	Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 01/3/2022 của UBND tỉnh (mục tiêu 100% dân số đủ điều kiện)
4.4	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh.	95%	95%	Kế hoạch số 280/KH-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh (mục tiêu 80%)
4.5	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác.	90%	Trên 90%	Kế hoạch số 280/KH-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh (mục tiêu 80%)
4.6	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản.	75%	Trên 75%	Kế hoạch số 280/KH-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh (mục tiêu 70%)
4.7	Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến.	60%	Trên 60%	Kế hoạch số 280/KH-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh (mục tiêu trên 50%)
4.8	Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư	20%	Trên 30%	Kế hoạch số 280/KH-UBND ngày 30/9/2022

	vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa.			của UBND tỉnh (mục tiêu trên 30%)
4.9	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số	50%	Trên 50%	Kế hoạch số 280/KH-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh (mục tiêu trên 50%)
4.10	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử.	95,27%	Trên 95%	Kế hoạch số 280/KH-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh (mục tiêu 90%)
4.11	Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở.	100%	100%	Kế hoạch số 280/KH-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh (mục tiêu 80%)
4.12	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở.	90%	95%	Kế hoạch số 280/KH-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh (mục tiêu 70%)

III. NHIỆM VỤ

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

1.1. Ngày Chuyển đổi số

Căn cứ hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và điều kiện thực tế của địa phương, tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2025 bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với mục đích, ý nghĩa, tinh thần cũng như chủ đề của Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2025.

1.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

- Chủ động tìm kiếm những sáng kiến, cách làm, mô hình điển hình về chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, của doanh nghiệp, của người dân ở chính trên địa bàn để thực hiện tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng (đặc biệt là các sáng kiến liên quan đến dữ liệu số, kinh tế số).

- Nghiên cứu, tham khảo các bài học, kinh nghiệm chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương khác (<https://t63.mic.gov.vn>) và các bài toán chuyển đổi số (<https://c63.mic.gov.vn>) để vận dụng phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan, địa phương mình.

- Nghiên cứu xác định tường minh các bài toán chuyển đổi số của tỉnh, tham vấn ý kiến của Bộ Thông tin và Truyền thông và các doanh nghiệp công nghệ số lớn của Việt Nam trong việc xác định bài toán.

- Triển khai mô hình thí điểm chuyển đổi số toàn diện tại 05 doanh nghiệp, 12 đơn vị cấp tỉnh, 03 đơn vị cấp huyện, 20 đơn vị cấp xã.

1.3. Kênh truyền thông “Chuyển đổi số quốc gia” trên Zalo

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố tuyên truyền, hướng dẫn đến từng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động các cơ quan, đơn vị trực thuộc, khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia vào kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia, chuyển đổi số tỉnh Bình Phước để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác và đời sống.

- Tăng cường tuyên truyền kênh Zalo “Bình phuc Today”; các kênh Zalo của UBND cấp huyện, UBND cấp xã; góp phần chia sẻ, lan tỏa các thông tin về chuyển đổi số.

2. Thể chế số

- Rà soát, xây dựng, cập nhật, sửa đổi, bổ sung các kiến trúc, quy chế, quy định về xây dựng, phát triển, quản lý, vận hành, khai thác các hệ thống thông tin, chia sẻ dữ liệu phục vụ chính quyền số, địa phương thông minh phù hợp với định hướng, chiến lược quốc gia.

- Rà soát, cập nhật quy trình nội bộ, quy trình điện tử đối với giải quyết từng TTHC các cấp; tái cấu trúc quy trình TTHC để xây dựng, hoàn thiện, tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

- Triển khai hoàn thành nhiệm vụ tại Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/5/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch số 312/KH-UBND ngày 13/10/2021 của UBND tỉnh; xây dựng các chương trình, kế hoạch thực hiện đảm bảo từng bước hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ đề ra.

3. Hạ tầng số

- Triển khai Kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2023 - 2025; Kế hoạch phát triển hạ tầng số giai đoạn 2025- 2030; xây dựng Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh.

- Hoàn thiện, duy trì Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, về an toàn, an ninh mạng, về năng lực phục vụ phát triển chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh của tỉnh. Thực hiện thuê hạ tầng Cloud để vận hành dữ liệu dự phòng đồng bộ với Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh; thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ đảm bảo các hệ thống thông tin vận hành liên tục 24/24h.

- Tiếp tục thực hiện chuyển đổi IPv6 trong cơ quan nhà nước, làm nền tảng phát triển chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh của tỉnh.

- Rà soát, triển khai nâng cấp, mua sắm thiết bị CNTT cho các đơn vị theo quy định.

- Nâng cấp hoàn thiện hệ thống mạng trong các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã, bao gồm: mạng truyền số liệu chuyên dùng, mạng diện rộng (WAN), mạng nội bộ (LAN), kết nối internet tốc độ cao. Nâng cao năng lực, chất lượng dịch vụ và mở rộng kết nối, giám sát, kiểm soát truy cập tập trung của mạng truyền số liệu chuyên dùng, bảo đảm ổn định, thông suốt để phục vụ chính quyền số.

- Phát triển hạ tầng internet kết nối vạn vật (IOT), trong đó, ưu tiên triển khai các hệ thống wifi công cộng, hệ thống camera giám sát an ninh trật tự và giao thông, hệ thống cảm biến môi trường, hệ thống thiết bị chiếu sáng thông minh.

- Đẩy nhanh tốc độ phủ mạng cáp quang, mạng di động băng rộng đến tất cả các ấp, khu phố, khu vực dân sinh trên địa bàn tỉnh; tăng nhanh tỷ lệ người dùng internet, đặc biệt ở khu vực nông thôn; nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng, phủ sóng chất lượng ở các vùng biên giới, vùng lõm về kết nối mạng băng thông rộng.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông tiếp tục nâng cấp mạng di động 4G; triển khai phát triển, mở rộng hạ tầng mạng di động 5G tại các huyện, thị xã, thành phố; ưu tiên triển khai tại các khu công nghiệp, cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện, khu du lịch. Triển khai lắp đặt 11 trạm thu, phát sóng thông tin di động nhằm đảm bảo phục vụ thông tin liên lạc, quốc phòng và an ninh khu vực biên giới.

- Nâng cấp hệ thống mạng internet tốc độ cao tại các cơ sở giáo dục, đặc biệt là các trường học ở vùng sâu, vùng xa; đảm bảo 100% các cơ sở giáo dục được phủ sóng internet băng thông rộng ổn định.

4. Dữ liệu số

Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch số 287/KH-UBND ngày 11/9/2023 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cung cấp dữ liệu mở trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2023 - 2025; triển khai sử dụng các cơ sở dữ liệu (CSDL) đã được Trung ương đầu tư, xây dựng (các CSDL về dân cư, đất đai, đăng ký doanh nghiệp, tư pháp, tài chính, bảo hiểm...) và duy trì, phát triển các CSDL của tỉnh trong một số lĩnh vực ưu tiên, cụ thể như sau:

- Hoàn thiện, tổ chức vận hành, triển khai Cổng dữ liệu mở và Kho dữ liệu dùng chung (Open Data) của tỉnh phục vụ phân tích, dự báo hỗ trợ quá trình ra quyết định của tỉnh và các cấp, ngành cũng như công khai minh bạch các thông tin cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp tra cứu, tìm hiểu.

- Các sở, ngành tiếp tục duy trì ổn định các kết nối, chia sẻ dữ liệu từ các phần mềm, CSDL của tỉnh đến các bộ, ngành Trung ương như: (1) CSDL về đăng ký doanh nghiệp; (2) CSDL Quốc gia về dân cư; (3) CSDL về bảo hiểm xã hội; (4) CSDL đất đai; (5) CSDL cán bộ công chức, viên chức; (6) CSDL Quốc gia về văn bản QPPL; (7) CSDL Quốc gia về giá; (8) CSDL Quốc gia về đăng kiểm; (9) CSDL giấy phép lái xe; (10) Hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực

tuyến, (11) Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch; (12) Hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách; (13) Hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử Việt Nam; (14) Cổng liên thông Tài nguyên môi trường - Thuế; (15) Hệ thống quản lý giao thông vận tải; (16) Hệ thống dịch vụ công trực tuyến thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua; (17) Hệ thống đăng ký và giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến và rà soát, cập nhật CSDL về trợ giúp xã hội; (18) Hệ thống danh mục điện tử dùng chung của Bộ Tài chính; (19) Hệ thống danh mục dùng chung của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; (20) Hệ thống phục vụ dịch vụ công của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam; (21) Hệ thống mã Bưu chính Vpostcode; (22) Hệ thống dịch vụ, tiện ích của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN); (23) Hệ thống định danh và xác thực điện tử; (24) Hệ thống thông tin nguồn Trung ương.

- Phát triển, làm sạch, hoàn thiện và đưa vào sử dụng hiệu quả 54 CSDL chuyên ngành và quản lý nhà nước, kết nối, tích hợp với các CSDL quốc gia, hệ thống thông tin của Bộ, ngành Trung ương, đưa về Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và chia sẻ cho các cơ quan, đơn vị dùng chung để phân tích, dự báo, phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công của tỉnh.

- Hoàn thiện Kho dữ liệu dùng chung toàn tỉnh, Cổng dữ liệu mở cho phép thu thập, lưu trữ, tổng hợp từ nhiều nguồn dữ liệu khác nhau (có cấu trúc, bán cấu trúc, phi cấu trúc), phân tích, xử lý, khai phá, hỗ trợ ra quyết định; đồng thời chia sẻ cho các cơ quan trong tỉnh sử dụng.

- Phát triển các CSDL chuyên ngành dùng chung, sử dụng giải pháp công nghệ quản lý dữ liệu lớn (big data, data lake) nhằm quản lý toàn diện CSDL dùng chung; số hóa hồ sơ lưu trữ.

- Duy trì, vận hành ổn định hệ thống CSDL đất đai và các CSDL thành phần (CSDL thông tin quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất, CSDL thống kê kiểm kê đất đai, CSDL giá đất); tiếp tục số hóa và chuẩn hóa thông tin để hoàn thiện CSDL đất đai của các huyện, hệ thống CSDL kho lưu trữ tài nguyên và môi trường, hệ thống quan trắc môi trường tự động.

- Triển khai thực hiện các mô hình điềm trong Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh.

- Duy trì Cổng dịch vụ công tỉnh theo hướng cung cấp dịch vụ số, kết nối, tích hợp với Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng thanh toán trực tuyến quốc gia, Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số và các hệ thống quy mô quốc gia cần thiết khác; ứng dụng công nghệ số để cá nhân hóa giao diện, tối ưu hóa trải nghiệm, mang lại sự thuận tiện cho người dùng. Số hóa và đưa vào khai thác CSDL kết quả TTHC thuộc thẩm quyền quản lý.

- Tiếp tục chuẩn hóa, hoàn thiện CSDL công dân, doanh nghiệp của tỉnh, kết nối, đồng bộ dữ liệu từ CSDL quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp

thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia.

- Rà soát, chuẩn hóa, điện tử hóa mẫu đơn tờ khai theo hướng cắt giảm tối thiểu 20% thông tin phải khai báo trên cơ sở tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa.

- Tiếp tục rà soát đánh giá và tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ dịch vụ công trực tuyến thiết yếu theo Quyết định 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Lựa chọn những dịch vụ công thiết thực, tần suất sử dụng cao gắn liền nhu cầu hàng ngày của người dân, doanh nghiệp, có đầy đủ các điều kiện để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn tỉnh, tiến tới hoàn thiện cung cấp các ứng dụng (apps) TTHC để người dân, doanh nghiệp tương tác trực tuyến hiệu quả với chính quyền.

- Xây dựng kho học liệu số mở của tỉnh và kết nối với hệ thống học liệu quốc gia, gồm tài liệu giảng dạy, bài tập, đề thi và các tài nguyên học tập số hóa khác.

5. Nền tảng số

Triển khai các nền tảng số để các cơ quan nhà nước quản lý, điều hành nghiệp vụ chuyên ngành dựa trên dữ liệu, đồng bộ, thông suốt từ tỉnh đến xã; đảm bảo theo Quyết định số 1312/QĐ-UBND ngày 21/8/2024 của UBND tỉnh về Quy định phát triển, quản lý và sử dụng các nền tảng số dùng chung trên địa bàn tỉnh, trong đó ưu tiên:

- Khai thác sử dụng có hiệu quả các nền tảng số quốc gia đã được công bố, triển khai, nhất là: sổ sức khỏe điện tử, nền tảng quản lý tiêm chủng, nền tảng định danh và xác thực điện tử, nền tảng sàn thương mại điện tử, nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOCS), nền tảng khảo sát, thu thập ý kiến người dân,...

- Hoàn thành cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu của tỉnh lên phần mềm tài nguyên và môi trường của tỉnh phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh: dữ liệu thông tin đất đai; dữ liệu thông tin bản đồ, không gian địa lý, viễn thám; dữ liệu môi trường; dữ liệu địa chất, khoáng sản; thông tin thời tiết, khí hậu và biến đổi khí hậu; dữ liệu thông tin tài nguyên nước.

- Thúc đẩy triển khai các nền tảng của tỉnh đã đưa vào vận hành chính thức, trọng tâm là: nền tảng “Bình Phước Today” phục vụ người dân, doanh nghiệp; ứng dụng “IOC Bình Phước” phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo.

- Duy trì nền tảng dùng chung và trực tích hợp chia sẻ dữ liệu (LGSP) đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Bộ Thông tin và Truyền thông, kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia; tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện các nền tảng số của tỉnh, nền tảng kho dữ liệu số của người dân, doanh nghiệp, tạo thuận lợi cho giao dịch điện tử.

- Duy trì nền tảng tích hợp, quản lý thiết bị IoT (IoT Platform), nền tảng quản lý video (VMS), nền tảng phân tích dữ liệu thông minh (AI Platform), sử

dụng các công nghệ nhận dạng phục vụ phân tích dữ liệu, hỗ trợ ra quyết định. Hoàn thành việc phát triển các nền tảng số, CSDL trong các lĩnh vực ưu tiên như y tế, giáo dục, du lịch, giao thông, xây dựng, tài nguyên và môi trường, tài chính, sản xuất công nghiệp, thương mại,...

- Triển khai các giải pháp kỹ thuật đảm bảo việc chuyển đổi thống nhất và duy nhất qua tài khoản định danh điện tử VNeID để sử dụng cho hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng, nền tảng số của tỉnh phục vụ cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp.

- Triển khai xây dựng các nền tảng học tập trực tuyến thống nhất trong toàn tỉnh, tích hợp với hệ thống quản lý học tập (LMS) và ngân hàng học liệu số dùng chung.

6. Nhân lực số

- Xây dựng và triển khai kế hoạch nâng cao nhận thức; phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh năm 2025; tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ lãnh đạo cơ quan các cấp, cán bộ chuyên trách CNTT, cán bộ, công chức, viên chức, trong đó đặc biệt chú trọng tới kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu để ra quyết định và hoạch định chính sách; kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng ứng dụng CNTT và an toàn thông tin.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn cho Tổ công nghệ số cộng đồng và Đề án 06/CP để phổ cập kỹ năng số cho người dân thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế - xã hội; hướng dẫn người dân các kỹ năng số cơ bản, thiết yếu gồm: sử dụng dịch vụ công trực tuyến; mua sắm trực tuyến; thanh toán trực tuyến; tự bảo vệ mình trên không gian mạng. Ngoài ra, chú trọng tập huấn các nội dung: sử dụng dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng Binh Phuoc Today, Tổng đài 1022, thương mại điện tử, bảo đảm an toàn thông tin, sử dụng các dịch vụ thiết yếu (y tế, giáo dục, nông nghiệp, du lịch, giải trí,...).

- Triển khai chương trình đào tạo nhân lực số cho cán bộ quản lý và giáo viên, với chỉ tiêu cụ thể là 100% cán bộ quản lý và 80% giáo viên được đào tạo kỹ năng số cơ bản và nâng cao. Đào tạo 100 chuyên gia chuyển đổi số.

- Các cơ quan, đơn vị chủ động chuẩn hóa đội ngũ, đảm bảo nguồn nhân lực CNTT của cơ quan, đơn vị mình phục vụ cho triển khai chuyển đổi số.

7. An toàn thông tin mạng

- Xây dựng kế hoạch tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân; triển khai các nhiệm vụ, giải pháp bảo vệ ATTT theo cấp độ cho các hệ thống thông tin.

- Duy trì Trung tâm giám sát an toàn, an ninh mạng (Security Operation Center - SOC) kết nối với hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn mạng, hệ thống an ninh mạng phục vụ Chính phủ số của quốc gia. Thường xuyên giám sát, cảnh báo sớm nguy cơ, ngăn chặn kịp thời các sự cố tấn công an toàn thông

tin trên địa bàn tỉnh.

- Thiết lập mạng lưới kết nối các chuyên gia, tổ chức, doanh nghiệp an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh và quốc gia nhằm chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ xử lý sự cố an toàn thông tin; tích cực tham gia các chiến dịch bảo đảm an toàn thông tin mạng do Bộ Thông tin và Truyền thông phát động; tham gia vào mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia do Bộ Thông tin và Truyền thông điều phối.

- Duy trì việc đảm bảo an toàn thông tin cho 100% các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh theo Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 23/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tuân thủ quy định pháp luật và tăng cường bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; thực hiện kiểm tra, đánh giá độc lập an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên. Hệ thống thông tin được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng trước khi đưa vào sử dụng, khi nâng cấp, thay đổi, định kỳ theo quy định; hệ thống thông tin được quản lý, vận hành theo mô hình 4 lớp theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

- Triển khai các quy định, kế hoạch về ứng phó sự cố; các hoạt động của đội ứng cứu sự cố, việc tham gia hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia. Tổ chức tối thiểu 01 cuộc diễn tập thực chiến bảo đảm an toàn thông tin mạng trong năm 2025.

8. Chính quyền số

- Triển khai các nhiệm vụ để thực hiện chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, UBND tỉnh trực tuyến và dựa trên dữ liệu từ năm 2025 theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Triển khai hiệu quả nền tảng Onegov để tích hợp các ứng dụng dùng chung cho cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh, tạo môi trường làm việc thống nhất, duy nhất trong toàn đơn vị.

- Duy trì ổn định kết nối các cơ quan Đảng; sở, ban, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã kết nối mạng LAN và Internet tốc độ cao, mạng truyền số liệu chuyên dùng dành riêng cho các cơ quan Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh. Duy trì đường truyền số liệu chuyên dùng.

- Vận hành và khai thác hiệu quả hoạt động của Trung tâm điều hành thông minh cấp tỉnh, huyện. Phát triển, hoàn thiện hệ thống thông tin báo cáo hướng tới hình thành hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của tỉnh kết nối với hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Kết nối, tích hợp, chia sẻ các thông tin, dữ liệu từ hệ thống thông tin báo cáo, hệ thống thông tin, dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của tỉnh với hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục duy trì hoạt động của Cổng/Trang thông tin điện tử trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh theo quy định. Đảm bảo hoạt động của hệ thống thư điện tử công vụ. Tăng cường việc sử dụng chữ ký số trong cán bộ, công chức các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã.

- Vận hành ổn định và hiệu quả Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của tỉnh phục vụ tốt cho việc gửi nhận, theo dõi xử lý văn bản. Tăng cường kết nối trực liên thông văn bản của tỉnh kết nối liên thông các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã thông suốt với Văn phòng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và các địa phương ngoài tỉnh thông qua Trực liên thông văn bản quốc gia.

- Duy trì kết nối các hệ thống thông tin của tỉnh với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia do Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý, theo lộ trình của các Bộ chuyên ngành.

- Hoàn thiện mô hình điểm về chuyển đổi số cấp tỉnh, huyện, xã; doanh nghiệp để triển khai nhân rộng toàn tỉnh.

- Xây dựng Cổng/Trang thông tin điện tử liên thông từ trường đến Phòng/Sở Giáo dục và Đào tạo.

9. Kinh tế số

Triển khai phát triển kinh tế số theo Kế hoạch số 280/KH-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh thực hiện Chiến lược Quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, trong đó tập trung:

- Triển khai thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 297/KH-UBND ngày 17/9/2021 của UBND tỉnh về việc đưa sản phẩm nông sản của tỉnh lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2021-2025.

- Triển khai Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 25/04/2022 của UBND tỉnh về triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số và Đề án xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, trong đó chú trọng các chỉ tiêu: *số doanh nghiệp thực hiện đánh giá, xác định chỉ số mức độ chuyển đổi số (trên cổng <https://dbi.gov.vn>); số doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số để chuyển đổi số trong các hoạt động quản lý điều hành, sản xuất kinh doanh (trên cổng SMEdx <https://smedx.mic.gov.vn>).*

- Triển khai thực hiện Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 19/01/2021 của UBND tỉnh về phát triển thương mại điện tử tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch số 339/KH-UBND ngày 18/11/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Đề án Phát triển hệ thống thương mại, thương mại điện tử, thương mại biên giới tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Duy trì triển khai có hiệu quả nền tảng hóa đơn điện tử. Đẩy mạnh triển

khai hợp đồng điện tử trong doanh nghiệp, đẩy nhanh quá trình phổ cập thanh toán số, thanh toán không dùng tiền mặt.

10. Xã hội số

Triển khai phát triển xã hội số theo Kế hoạch số 280/KH-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh thực hiện Chiến lược Quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, trong đó tập trung:

- Triển khai cấp định danh điện tử, tài khoản thanh toán số, chữ ký số, thương mại điện tử, phần mềm an toàn thông tin trên thiết bị thông minh, điện thoại thông minh cho người dân trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng và Đề án 06/CP để phổ cập kỹ năng số cho người dân thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế - xã hội. Hỗ trợ người dân biết cách sử dụng: dịch vụ công trực tuyến; mua, bán các sản phẩm, dịch vụ qua mạng; thanh toán không dùng tiền mặt; sử dụng các dịch vụ số thiết yếu phục vụ cuộc sống (*y tế, giáo dục, du lịch, giải trí...*); áp dụng các giải pháp an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để tự bảo vệ mình và bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian mạng.

- Đẩy mạnh phát triển xã hội số, phổ cập dịch vụ internet băng thông rộng đến hộ gia đình và phủ sóng di động 4G/5G; khuyến khích doanh nghiệp, người dân triển khai nền tảng thanh toán điện tử, ví điện tử, sử dụng chữ ký số phục vụ các giao dịch điện tử, các hoạt động xã hội.

- Phát triển ứng dụng Công dân số cho phép người dân quản lý, lưu trữ thông tin cá nhân và truy cập sử dụng các sản phẩm, dịch vụ số của cơ quan nhà nước.

IV. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Đẩy mạnh công tác truyền thông về chuyển đổi, về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện nhiều hình thức thông tin tuyên truyền như: xây dựng chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, tọa đàm, hội thảo, các chương trình truyền hình, các giải pháp truyền thông hiện đại để tuyên truyền rộng rãi về các kế hoạch, hoạt động ứng dụng và phát triển CNTT của tỉnh; nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen hành vi, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Tổ chức các sự kiện về chuyển đổi số để nâng cao nhận thức trong cán bộ công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân.

- Chỉ đạo 100% các cơ quan báo chí, hệ thống truyền thanh cơ sở, Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị đều có nội dung tuyên truyền về chuyển đổi số.

- Đưa nội dung đào tạo kỹ năng số vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học; ứng dụng các nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân (tối thiểu 50% các trường học có nội dung tuyên truyền về chuyển đổi số thông qua các buổi học ngoại khóa và các hình thức khác).

- Ứng dụng các nền tảng, kênh truyền thông đa dạng, tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp (ứng dụng “Binh Phuoc Today”, hệ thống tiếp nhận và xử lý phản ánh kiến nghị của tỉnh - Tổng đài 1022, kênh hỏi - đáp trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Cổng dịch vụ công trực tuyến, kênh Zalo “Binh Phuoc Today”,...). để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ Chính quyền số; xây dựng/ứng dụng các nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân; xây dựng/ứng dụng các nền tảng, kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp; phổ cập điện thoại thông minh, chữ ký số đến mọi người dân.

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

- Đẩy mạnh hợp tác chiến lược về chuyển đổi số với các Tập đoàn về viễn thông, CNTT; các hình thức đối tác công tư (PPP) để triển khai các nhiệm vụ, dự án chính quyền số, đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp doanh nghiệp để đẩy mạnh tuyên truyền, cung cấp dịch vụ công trực tuyến (thông qua mạng bưu chính công cộng, mạng xã hội, ứng dụng của doanh nghiệp); tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số...

- Thực hiện gắn kết chặt chẽ giữa cải cách TTHC với phát triển chính quyền số; rà soát các TTHC, quy trình nghiệp vụ trong các cơ quan nhà nước theo hướng đơn giản hóa hoặc thay đổi phù hợp để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số; rà soát loại bỏ một số TTHC, quy trình nghiệp vụ khi ứng dụng công nghệ số.

3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

- Triển khai nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ mới, đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số vào triển khai quyền điện tử, chính quyền số như: điện toán đám mây (Cloud Computing), trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence - AI), internet kết nối vạn vật (Internet of Things - IoT), dữ liệu lớn (Big Data), chuỗi khối (Blockchain), để phát triển ứng dụng trên các nền tảng di động (mobility)... phục vụ xây dựng chính quyền số, nền kinh tế số, xã hội số, từng bước hình thành địa phương thông minh.

- Triển khai trao đổi, học tập kinh nghiệm với các tỉnh, thành phố về cơ chế, chính sách phát triển chính quyền số. Duy trì và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ về hợp tác với các Tập đoàn về viễn thông, CNTT để triển khai hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng và phát triển công nghệ mới.

4. Thu hút nguồn lực công nghệ thông tin

- Triển khai các hoạt động, chế độ chính sách nhằm thu hút nguồn lực CNTT để chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng (bao gồm cả tài chính, nhân lực...).

- Huy động các nguồn vốn hợp pháp khác nhằm đa dạng hóa nguồn lực để phát triển chính quyền số; tăng cường thực hiện giải pháp thuê dịch vụ CNTT. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho công nghệ số để nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới phương thức quản lý, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

- Tuyển dụng, đào tạo và bố trí đủ cán bộ chuyên trách về CNTT vào làm việc tại các cơ quan nhà nước.

5. Giải pháp khác

- Thúc đẩy, gắn kết việc triển khai chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số với công tác cải cách hành chính. Gắn kết quả xếp hạng mức độ chuyển đổi số với đánh giá cải cách hành chính, thi đua hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị.

- Triển khai các giải pháp để phổ cập kỹ năng số, dịch vụ công trực tuyến toàn trình tới mọi người dân, doanh nghiệp.

- Triển khai các hoạt động học tập, tìm hiểu thực tế các mô hình chuyển đổi số hiệu quả ở các địa phương khác và nghiên cứu vận dụng phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan, địa phương.

- Khảo sát thông tin về mức độ hài lòng của doanh nghiệp và người dân đối với việc triển khai chuyển đổi số, ứng dụng CNTT của cơ quan nhà nước để có hướng cải tiến, nâng cấp phù hợp.

- Tăng cường vai trò người đứng đầu các cơ quan nhà nước, giao chỉ tiêu triển khai cụ thể cho từng đơn vị gắn với trách nhiệm của người đứng đầu, đặc biệt là các chỉ tiêu triển khai dịch vụ công trực tuyến. Phát huy tối đa vai trò tổ chức triển khai chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, đảm bảo an toàn thông tin mạng của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

a) Tổng kinh phí dự kiến để thực hiện kế hoạch: **267.245.371 ngàn đồng** (*Hai trăm sáu mươi bảy tỷ, hai trăm bốn mươi lăm triệu, ba trăm bảy mươi một ngàn đồng*). Trong đó:

- Kinh phí đã được phê duyệt: **250.024.371.000 đồng** (*Hai trăm năm mươi tỷ, không trăm hai mươi bốn triệu, ba trăm bảy mươi một ngàn đồng*). Cụ thể: Kinh phí đầu tư công **225.000.000.000 đồng** (*Hai trăm hai mươi lăm tỷ đồng*); kinh phí chi thường xuyên **25.024.371.000 đồng** (*Hai mươi lăm tỷ, không trăm hai mươi bốn triệu, ba trăm bảy mươi một ngàn đồng*). Chi tiết tại Phụ lục VII kèm theo.

- Kinh phí chưa được phân bổ nguồn vốn thực hiện (các dự án tại Kế

hoạch số 180/KH-UBND ngày 23/5/2024 của UBND tỉnh chuyển qua): **17.221.000.000 đồng** (Mười bảy tỷ, hai trăm hai mươi mốt triệu đồng). Cụ thể: Kinh phí đầu tư công **13.611.000.000 đồng** (Mười ba tỷ, sáu trăm mười một triệu đồng); kinh phí chi thường xuyên **3.610.000.000 đồng** (Ba tỷ, sáu trăm mười triệu đồng). Chi tiết tại Phụ lục VIII kèm theo.

* Đối với các nhiệm vụ chuyển từ Kế hoạch số 180/KH-UBND ngày 23/5/2024 của UBND tỉnh trong Kế hoạch này; Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư theo chức năng nhiệm vụ được giao và tùy thuộc vào nguồn thu ngân sách nhà nước của tỉnh, tham mưu bố trí kinh phí thuộc nguồn vốn quản lý và thực hiện quyết toán theo quy định.

b) Nguồn kinh phí thực hiện:

- Từ nguồn Ngân sách nhà nước, thực hiện theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành. Lồng ghép các chương trình dự án.

- Nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN (Chi tiết tại Phụ lục V, VI, VII và VIII).

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh

Ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2025 để giao nhiệm vụ cho các thành viên phụ trách thường xuyên cập nhật, theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc tiến độ thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này; định kỳ, đột xuất tổ chức họp Ban Chỉ đạo để tham mưu UBND tỉnh giải quyết, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành; UBND cấp huyện theo dõi việc thực hiện kế hoạch, các nhiệm vụ, dự án, nền tảng dùng chung; định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm (trước ngày 15 tháng cuối quý) tổng hợp, báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông, UBND tỉnh.

- Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số cho cán bộ công chức, viên chức, người lao động; tham mưu xây dựng các cơ chế, chính sách, môi trường pháp lý tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện kế hoạch.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông tạo sự đồng thuận cao trong xã hội về triển khai chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị đánh giá, xếp hạng về Chỉ số chuyển đổi số (DTI) của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Nội vụ và các đơn vị liên quan triển khai công tác kiểm tra việc triển khai chuyển đổi số và cải cách hành chính.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính hướng dẫn, thẩm định chặt chẽ các nhiệm vụ, dự án, hoạt động ứng dụng CNTT sử dụng

nguồn vốn ngân sách nhà nước theo đúng quy định.

3. Công an tỉnh

- Chủ trì, phối hợp Văn phòng UBND tỉnh tham mưu, tổ chức thực hiện Đề án 06/CP và các văn bản có liên quan tại địa phương bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

- Có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức triển khai nghiêm túc, đúng tiến độ, đạt hiệu quả các nhiệm vụ được giao và báo cáo Tổ công tác tình hình, kết quả thực hiện, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Đề án 06/CP và các văn bản có liên quan.

4. Văn phòng UBND tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị theo dõi, đôn đốc việc triển khai nâng cao các mục tiêu theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử.

- Ứng dụng hiệu quả CNTT trong hoạt động của cơ quan Trung tâm Hành chính công tỉnh; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã; thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, công tác kiểm soát TTHC.

- Phối hợp thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn thực hiện các dự án thúc đẩy triển khai chuyển đổi số của Kế hoạch theo Luật Đầu tư công.

- Thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực của đơn vị.

6. Sở Tài chính

- Hằng năm, căn cứ vào khả năng cân đối của ngân sách tỉnh, tham mưu cấp có thẩm quyền thực hiện Kế hoạch tiết kiệm và hiệu quả. Thực hiện theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

- Thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực của đơn vị.

7. Sở Nội vụ

- Giám sát chặt chẽ việc thực hiện tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức các cấp, đảm bảo tiêu chuẩn về chuẩn kỹ năng ứng dụng CNTT theo quy định. Lồng ghép nội dung đào tạo, bồi dưỡng chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT trong kế hoạch đào tạo cán bộ, công chức cấp xã.

- Tiếp tục rà soát, đề xuất giải pháp để hỗ trợ các sở, ngành, địa phương bố trí đủ nguồn nhân lực chuyên trách CNTT trong tổng biên chế được cấp có thẩm quyền giao phục vụ công tác tham mưu triển khai chuyển đổi số.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan triển khai công tác kiểm tra việc triển khai chuyển đổi số và cải cách hành chính.

8. Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước

- Chủ động truyền thông bằng các hình thức phù hợp, góp phần nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Mở chuyên mục tuyên truyền định kỳ hằng tuần về chuyển đổi số trên các kênh thông tin hiện có của cơ quan mình.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ tuyên truyền theo Kế hoạch này.

9. Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được nêu trong kế hoạch này và Khung kiến trúc chính quyền điện tử 3.0 tỉnh Bình Phước; xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin của cơ quan, đơn vị, địa phương mình phù hợp với nhiệm vụ được giao thuộc lĩnh vực của đơn vị trong Kế hoạch và tình hình thực tế.

- Chủ động tổ chức tuyên truyền về chuyển đổi số, phát triển chính quyền số dưới nhiều hình thức. UBND cấp huyện chỉ đạo Trung tâm Văn hóa - Thông tin, Đài Truyền thanh - Truyền hình mở chuyên mục tuyên truyền định kỳ hằng tuần về chuyển đổi số trên hệ thống truyền thanh cấp huyện, cấp xã (đảm bảo ít nhất 01 tin, bài/tuần).

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành trong việc tổ chức, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về ứng dụng CNTT, chuyển đổi số để xây dựng thành công mục tiêu chuyển đổi số tại ngành mình, cấp mình; coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của cơ quan, đơn vị, địa phương; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số của cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

- Định kỳ hằng quý, 6 tháng, năm (*trước ngày 05 tháng cuối quý*) báo cáo kết quả về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông, UBND tỉnh và cơ quan có thẩm quyền.

10. Các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh

- Đề nghị ưu tiên các nguồn lực đầu tư xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng và các dịch vụ CNTT, truyền thông; xác định việc thực hiện Kế hoạch này là một nhiệm vụ chính trị quan trọng, góp phần đưa Bình Phước duy trì trong nhóm 10 tỉnh dẫn đầu cả nước về chuyển đổi số.

- Chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp, phát triển hạ tầng số, nền tảng số, làm chủ công nghệ lõi, đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai các giải pháp,

công nghệ, mô hình mới ứng dụng cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

UBND tỉnh yêu cầu thủ trưởng các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch nghiêm túc, hiệu quả. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét./.

Nơi nhận:

- Bộ TT&TT;
- TTTU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các Phòng, TTPVHCC;
- Lưu: VT, PVX, TD8.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Tuyết Minh